UBND HUYỆN THANH MIỆN
HĐ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN NGÀNH GD&ĐT NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27 /TB-HĐTD

Thanh Miện, ngày 10 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết quả vòng 2 và tiếp nhận đơn phúc khảo kết quả bài thi kỳ tuyển dụng giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2023

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế về tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 2322/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Hải Dương về tổ chức tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023 và Kế hoạch số 1891/KH-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Thanh Miện về việc tổ chức tuyển dụng giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Thanh Miện về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả (vòng 2) kỳ tuyển dụng giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2023;

Hội đồng tuyển dụng thông báo một số nội dung sau:

1. Kết quả vòng 2, kỳ tuyển dụng giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2023

(Có kết quả bài thi của từng thí sinh kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm nhận đơn phúc khảo và lệ phí phúc khảo:

- Thời gian nhận đơn phúc khảo: 15 ngày từ ngày **11/10/2023** đến hết ngày **25/10/2023**, trong giờ hành chính.

- Địa điểm: Thí sinh gửi trực tiếp về Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2023 *(qua phòng Nội vụ huyện)*.

- Đơn đề nghị phúc khảo phải là văn bản giấy, do thí sinh trực tiếp làm và ký tên. Không chấm phúc khảo đối với các đơn phúc khảo bài thi nhận được sau thời hạn quy định nêu trên; không phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo được gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

- Lệ phí phúc khảo: 150.000 đồng/01 bài thi.

Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2023 thông báo để thí sinh được biết./.

Nơi nhận:
- Thí sinh;
- Lưu: HĐTD.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG NỘI VỤ
H.THANH MIỆN-T.HẢI DƯƠNG

TRƯỞNG PHÒNG NỘI VỤ
Nguyễn Duy Thăng

HĐ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GD-ĐT
HUYỆN THANH MIỆN NĂM 2023

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (Vòng 2)
KỲ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số 27/TTR-HĐTD ngày 10/10/2023 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng)

TT	SBD	Họ và tên người đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả vòng 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng	Tổng điểm
							Điểm bài thi	Điểm trừ			
								Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12=8-10+11*
1	A01001	Mai Thị Hà	21/01/1982	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thanh Giang	Không	85,0				85,00
2	A01002	Vũ Thị Hiền	24/5/1990	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thanh Giang	Không	93,0				93,00
3	A01003	Phạm Thị Hoa	13/5/1987	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ngô Quyền	Không	95,5				95,50
4	A01004	Nguyễn Hoài Lan	05/11/2002	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Trào	Không	97,0				97,00
5	A01005	Nguyễn Thị Loan	04/12/1993	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hồng Quang	Không	96,0				96,00
6	A01006	Nguyễn Thị Mai	22/9/1996	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Đoàn Kết	Không	96,0				96,00
7	A01007	Trần Thị Mai	01/12/2001	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hồng Phong	Không	94,0				94,00
8	A01008	Trần Thị Ngọc	01/12/2001	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Chi Lăng Bắc	Không	97,5				97,50
9	A01009	Đào Thị Thạo	20/5/1985	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Đoàn Kết	Không	98,0				98,00
10	A01010	Nguyễn Thị Thắm	06/11/1997	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ngũ Hùng	Không	92,0				92,00
11	A01011	Vũ Thị Hương Thơm	22/5/1997	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Lê Hồng	Không	85,0				85,00

TT	SBD	Họ và tên người đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả vòng 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng	Tổng điểm
							Điểm bài thi	Điểm trừ			
								Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=8-10+11
12	A01012	Bùi Thị Thu Trang	22/6/1992	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hồng Quang	Không	98,0				98,00
13	A01013	Trần Ngọc Thùy Trang	02/4/1998	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hồng Quang	Không	89,0				89,00
14	A01014	Nguyễn Thị Tuyết	27/10/1987	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hồng Quang	Không	84,0				84,00
15	B02015	Nguyễn Thị Linh Chi	28/9/1999	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Lam Sơn	Không	58,0				58,00
16	B02016	Nguyễn Thị Hằng	21/11/1990	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Lam Sơn	Không	65,0				65,00
17	B02017	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	22/9/2000	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Cao Thắng	Không	73,0				73,00
18	B02018	Đoàn Thị Hồng Hoa	19/10/1994	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Thanh Tùng	Không	52,0				52,00
19	B02019	Nguyễn Thị Hoa	12/6/1993	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Cao Thắng	Không	61,0				61,00
20	B02020	Phạm Thị Hoa	28/12/1999	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Thanh Tùng	Không	62,0				62,00
21	B02021	Nguyễn Thị Hường	16/10/1998	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Chi Lăng Nam	Không	52,0				52,00
22	B02022	Nguyễn Thị Mai Lam	11/3/1997	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Cao Thắng	Không	53,0				53,00
23	B02023	Đỗ Thị Ngân	13/11/1989	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Đoàn Kết	Không	68,0				68,00
24	B02024	Khổng Thanh Trà	21/7/2001	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Thanh Tùng	Không	56,0				56,00
25	B03025	Trần Tuấn Anh	12/12/1991	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Đoàn Tùng	Không	bỏ thi				bỏ thi
26	B04026	Nguyễn Minh Đông	04/4/1990	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Tân Trào	Không	60,0				60,00

TT	SBD	Họ và tên người đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả vòng 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng	Tổng điểm
							Điểm bài thi	Điểm trừ			
								Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=8-10+11
27	B04027	Nguyễn Thị Liên	14/8/1992	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Kha	Không	70,0				70,00
28	B04028	Lê Thị Tho	02/02/1989	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Tứ Cường	Không	bỏ thi				bỏ thi
29	B05029	Nguyễn Thị Huệ	20/5/1986	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Tứ Cường	Con Thương binh	88,0			5,00	93,00
30	B12030	Trương Thị Quỳnh Anh	21/11/1999	Kế toán	Trường Tiểu học Cao Thắng	Không	50,0				50,00
31	B12031	Mai Thị Hòa	29/5/1985	Kế toán	Trường Tiểu học Tân Trào	Không	74,0				74,00
32	B12032	Lê Thị Hoài	21/12/1994	Kế toán	Trường Tiểu học Tân Trào	Không	30,0				30,00
33	B12033	Vũ Thị Hương	19/4/2001	Kế toán	Trường Tiểu học Cao Thắng	Không	bỏ thi				bỏ thi
34	B12034	Trần Thị Thu	08/6/1993	Kế toán	Trường Tiểu học Cao Thắng	Không	42,0				42,00
35	B12035	Vũ Thị Thu	12/01/1990	Kế toán	Trường Tiểu học Tân Trào	Không	78,0				78,00
36	C06036	Ngô Thị Doan	26/5/1993	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đoàn Tùng	Không	58,0				58,00
37	C06037	Hoàng Thị Hà	21/6/1994	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Chi Lăng Bắc	Không	bỏ thi				bỏ thi
38	C06038	Nguyễn Thị Huệ	02/12/1989	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đoàn Tùng	Con thương	bỏ thi				bỏ thi
39	C06039	Nguyễn Thị Huyền	03/8/1993	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Thanh Tùng	Không	bỏ thi				bỏ thi
40	C06040	Nguyễn Thị Lan	26/9/1985	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Chi Lăng Bắc	Không	88,0				88,00
41	C06041	Nguyễn Thị Thu Liễu	27/11/1997	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Trào	Dân tộc thiểu số (Tày)	56,0			5,00	61,00

TT	SBD	Họ và tên người đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả vòng 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng	Tổng điểm
							Điểm bài thi	Điểm trừ			
								Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=8-10+11
42	C06042	Phạm Thị Mai	18/12/1990	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Trào	Không	bỏ thi				bỏ thi
43	C06043	Phạm Thị Thanh	22/3/1989	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Trào	Không	84,0				84,00
44	C06044	Đào Thị Thảo	07/5/1993	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Thanh Tùng	Không	86,0				86,00
45	C06045	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/7/1996	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đoàn Tùng	Không	75,0				75,00
46	C06046	Hoàng Thị Tiệp	25/12/1987	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đoàn Tùng	Con bệnh	36,0			5,00	41,00
47	C06047	Ngô Thị Vân	19/10/1989	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đoàn Tùng	Không	83,0				83,00
48	C06048	Vũ Thị Bích Vân	13/01/1999	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đoàn Tùng	Không	50,0				50,00
49	C07049	Tô Thị Duyến	05/5/1991	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Chi Lăng Nam	Không	83,0				83,00
50	C07050	Quách Thị Hồng	10/3/1995	Giáo viên Địa lý	Trường THCS Nguyễn Lương Bằng	Dân tộc thiểu số (Mường)	89,0			5,00	94,00
51	C07051	Nguyễn Thị Hương Lan	28/12/1991	Giáo viên Địa lý	Trường THCS thị trấn Thanh Miện	Không	82,0				82,00
52	C08052	Nguyễn Việt Chinh	22/02/1997	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Tùng	Không	bỏ thi				bỏ thi
53	C08053	Đoàn Thị Hồng Hạnh	19/12/1995	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Kha	Không	77,0				77,00
54	C08054	Nguyễn Thị Huế	27/3/1991	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Tùng	Không	bỏ thi				bỏ thi
55	C08055	Nguyễn Thị Lan	19/11/1988	Giáo viên Toán	Trường THCS Lam Sơn	Không	bỏ thi				bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên người đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả vòng 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng	Tổng điểm
							Điểm bài thi	Điểm trừ			
								Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=8-10+11
56	C08056	Nguyễn Thị Linh	19/9/2000	Giáo viên Toán	Trường THCS Lam Sơn	Không	65,0				65,00
57	C08057	Phạm Thị Loan	01/12/1993	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Tùng	Không	83,0				83,00
58	C08058	Nguyễn Thị Ngợi	21/5/1992	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Kết	Không	90,0				90,00
59	C08059	Nguyễn Dạ Thảo	26/7/1997	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Kết	Không	95,0				95,00
60	C08060	Vũ Thị Hà Thu	11/12/1990	Giáo viên Toán	Trường THCS Lam Sơn	Không	53,0				53,00
61	C09061	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	17/5/1995	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Trào	Không	70,0				70,00
62	C09062	Nguyễn Thị Thảo	23/9/1989	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Đoàn Kết	Không	66,5				66,50
63	C10063	Vũ Thị Huệ	02/01/1990	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Lam Sơn	Không	39,5	50	19,75		19,75
64	C10064	Lê Thị Lan	30/5/1992	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Lam Sơn	Không	69,5				69,50
65	C10065	Phạm Nhật Linh	14/3/1997	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Chi Lăng Nam	Dân tộc thiểu số (Nùng)	32,0	50	16,00	5,00	21,00
66	C10066	Nguyễn Thị Ni	28/4/1991	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Chi Lăng Nam	Không	75,0				75,00
67	C10067	Lê Thị Nhàn Thanh	10/6/2001	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Lam Sơn	Không	84,5				84,50
68	C11068	Nguyễn Thị Như	16/8/1995	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Thanh Giang	Không	55,0				55,00